

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2025/DS - PT

Ngày: 08/4/2025

V/v: Kiện đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bạch Thị Hồng Hoa

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Quang Tuấn

Ông Vũ Văn Túc

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hằng - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa: Ông Lê Quý Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 08/4/2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình, đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 10/2025/TLPT – DS ngày 17 tháng 02 năm 2025 về việc “Kiện đòi tài sản” do có kháng cáo của bị đơn chị Nguyễn Thị H1 đối với bản án dân sự sơ thẩm số 04/2024/DS-ST ngày 02 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2025/QĐ - PT ngày 03 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thủy Ng, sinh năm 1985. Địa chỉ: Số 794, Trương Định, Giáp Bát, Hoàng Mai, Hà Nội. Vắng mặt.

- **Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:** Ông Nguyễn Trọng Tr – Luật sư Công ty luật Hợp Danh Đại An Phúc thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

- Bị đơn:

Anh Trần Xuân H, sinh năm 1988. Địa chỉ: Xóm T, xã H, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1992, địa chỉ: Khu C, thị trấn M, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

Người kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ, vụ án được tóm tắt như sau:

Do có quan hệ họ hàng quen biết nên nguyên đơn, chị Nguyễn Thủy Ng đã cho anh Trần Xuân H vay tiền. Cụ thể: Ngày 27/3/2023 chị Ng chuyển khoản 02 lần cho anh H: Một lần 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) và 01 lần 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng); ngày 05/4/2023 chuyển khoản

300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng). Thỏa thuận lãi 1%/ tháng, thời hạn vay 06 tháng. Trả lãi lãi ngày 01 đầu tháng.

Thời điểm vay tiền anh Trần Xuân H và chị Nguyễn Thị H1 còn là vợ chồng. Anh H có nói vay để vợ chồng sửa quán làm ăn nên chị Ng đã cho vay. Anh H, chị H1 đã trả được 04 tháng tiền lãi là 22.000.000 (Hai mươi hai triệu đồng), sau đó không trả. Chị Ng khởi kiện đề nghị buộc anh H, chị H1 phải trả nợ gốc 550.000.000đ (Năm trăm năm mươi triệu đồng), lãi tính đến tháng 8/2023 là 44.000.000đ (Bốn mươi bốn triệu đồng). Từ tháng 9/2023 đến thời điểm xét xử sơ thẩm là 14 tháng lãi. Tổng cả gốc và lãi là 627.000.000đ (Sáu trăm hai mươi bảy triệu đồng).

Bị đơn, anh Trần Xuân H xác nhận có việc vay tiền, nhận tiền, thỏa thuận về lãi suất đúng như chị Nguyễn Thủy Ng trình bày. Do làm ăn thua lỗ nên anh chưa có tiền trả chị Ng. Ban đầu anh H nhận toàn bộ trách nhiệm trả khoản nợ cho chị Ng. Sau đó anh H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn, chị H1 không thừa nhận đó là khoản vay chung của chị và anh H. Cho rằng đó là khoản nợ riêng của anh H, anh H tự vay, tự sử dụng tiền vay, nên tự chịu trách nhiệm trả, chị không liên quan.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2024/DS –ST ngày 02/12/2024 Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc đã xử: Căn cứ khoản 1 Điều 60 Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 116, Điều 117, 11, 119, 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thủy Ng.

2. Xác định khoản nợ 550.000.000đ (Năm trăm năm mươi triệu đồng) do bà Nguyễn Thủy Ng chuyển cho Trần Xuân H và Trần Xuân H có chuyển lại cho Nguyễn Thị H là khoản nợ chung của H, H1. Ghi nhận Trần Xuân H và Nguyễn Thị H1 đã thanh toán trả cho Nguyễn Thủy Ng 04 tháng lãi là 22.000.000đ (Hai mươi hai triệu đồng).

Buộc Trần Xuân H và Nguyễn Thị H1 có trách nhiệm liên đới thanh toán trả cho cho Nguyễn Thủy Ng cả gốc và lãi là 627.000.000đ (Sáu trăm hai mươi bảy triệu đồng).

Trong đó: Trần Xuân H có trách nhiệm thanh toán 313.333.000đ (Ba trăm mười ba triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Nguyễn Thị H1 có trách nhiệm thanh toán 313.333.000đ (Ba trăm mười ba triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng)

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, việc thi hành án, quyền kháng cáo.

Ngày 10/12/2024 bị đơn chị Nguyễn Thị H1 kháng cáo đề nghị tòa án cấp phúc thẩm xét xử sửa bản án sơ thẩm; buộc anh H phải trả toàn bộ số tiền nợ cho chị Nguyễn Thủy Ng. Chị H1 cho rằng chị không liên quan đến khoản nợ chị Ng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Trình bày các căn cứ kháng cáo, chị H1 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét toàn diện, khách quan vụ án. Tại thời điểm chị và anh H còn là vợ chồng có khoản nợ 1.600.000.000đ (Một tỷ sáu trăm triệu đồng) Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, thế chấp nhà đất được bố mẹ cho riêng chị đã nhận

thanh toán toàn bộ. Anh H còn thế chấp chiếc xe mô tô SH trị giá 116.000.000đ (Một trăm mười sáu triệu đồng) để vay tiền, không trả được nên đã mất xe; thế chấp xe ô tô vay hơn 500 triệu đồng chưa trả được; tiền cấp dưỡng nuôi con theo quyết định của Tòa án cũng chỉ thực hiện được hai tháng. Khoản nợ chị Ng do anh H tự vay, tự chi tiêu. Bản thân anh H ban đầu cũng tự nhận trả toàn bộ cho chị Ng nên đề nghị buộc anh H trả toàn bộ nợ chị Ng. Trước đó khi chị Ng đòi nợ, chị cũng có ý kiến là sẽ trả đỡ cho anh H 175.000.000đ (Một trăm bảy mươi lăm triệu đồng) nếu mẹ chị bán được nhà. Hiện nay giá nhà xuống quá thấp, không bán được nên chị cũng không có tiền để trả chị Ng như đã nói.

Đại diện VKSND tỉnh Hòa Bình phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Kháng cáo của bị đơn, chị Nguyễn Thị H1 về nghĩa vụ trả nợ có căn cứ chấp nhận một phần, đề nghị sửa bản án sơ thẩm. Buộc chị H1 có nghĩa vụ thanh toán cho chị Ng 1/3 số nợ gốc và lãi phát sinh.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

1. Về tố tụng

Về thẩm quyền thụ lý, giải quyết: Ng đơn yêu cầu bị đơn phải trả lại tài sản (tiền). Bị đơn anh Trần Xuân H có hộ khẩu thường trú tại xóm T, xã H, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình và chị Nguyễn Thị H1 có hộ khẩu thường trú tại: Khu C, thị trấn M, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình. Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39 của BLTTDS 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình.

Ngày 02/12/2024 Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc xét xử vụ án; Ngày 10/12/2024 bị đơn chị Nguyễn Thị H1 kháng cáo. Đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, được chấp nhận.

Anh Trần Xuân H không kháng cáo nhưng có liên quan đến việc kháng cáo đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 BLTTDS quyết định xét xử vắng mặt anh H.

2. Về nội dung:

Do có quan hệ họ hàng nên nguyên đơn, chị Nguyễn Thủy Ng đã cho anh Trần Xuân H vay tiền. Cụ thể: Ngày 27/3/2023 chị Ng chuyển khoản 02 lần cho anh H: Một lần 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) và 01 lần 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng); ngày 05/4/2023 chuyển khoản 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng). Thỏa thuận lãi 1%/ tháng, thời hạn vay 06 tháng. Trả lãi lãi ngày 01 đầu tháng.

Thời điểm vay tiền anh Trần Xuân H và chị Nguyễn Thị H1 còn là vợ chồng. Anh H có nói vay để vợ chồng sửa quán làm ăn nên chị Ng đã cho vay. Anh H, chị H1 đã trả được 04 tháng tiền lãi là 22.000.000đ (Hai mươi hai triệu đồng), sau đó không trả. Chị Ng khởi kiện đề nghị buộc anh H, chị H1 phải trả nợ gốc 550.000.000đ (Năm trăm năm mươi triệu đồng) và lãi tính đến tháng thời

điểm xét xử sơ thẩm là 14 tháng. Tổng nợ gốc và lãi là 627.000.000đ (Sáu trăm hai mươi bảy triệu đồng).

Bị đơn anh Trần Xuân H xác nhận nợ như chị Ng đã trình bày. Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn chị Nguyễn Thị H1 không thừa nhận nợ, cho rằng anh H tự vay, tự trả. Không liên quan đến chị H1.

Bản án sơ thẩm xác nhận khoản nợ gốc và lãi phát sinh tổng số 627.000.000đ (Sáu trăm hai mươi bảy triệu đồng) là khoản nợ chung giữa anh H và chị H1. Buộc anh H và chị H1 liên đới trả cho chị Ng mỗi người 1/2 số nợ trên. Chị H1 kháng cáo, không đồng ý trả nợ.

Xét nội dung kháng cáo:

Chị Ng khởi kiện đề nghị buộc anh H, chị H1 phải trả số tiền nợ gốc 550.000.000đ (Năm trăm năm mươi triệu đồng) và lãi phát sinh theo thỏa thuận 1%/ tháng. Các đương sự không tranh chấp về số tiền nợ nhưng nghĩa vụ trả nợ thì không thống nhất.

Xét, trong tổng số nợ 550.000.000đ (Năm trăm năm mươi triệu đồng) thì có hai lần chuyển khoản đầu tiên là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) và 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), tổng 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng) chị H1 không biết, không được sử dụng tiền vay nên anh H phải chịu toàn bộ nợ gốc và lãi phát sinh. Còn 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) anh H vay chị H1 có biết. Anh H vay chị Ng xong chuyển khoản luôn cho chị H1, thể hiện ở vi bằng chị Ng đã thực hiện và theo anh H tiền này để anh H, chị H1 sửa quán làm phim trường khi còn là vợ chồng kinh doanh chung. Do đó buộc anh H và chị H1 liên đới chịu trách nhiệm trả cho chị Ng là đúng pháp luật.

Về nguyên tắc mỗi người phải chịu 1/2 số tiền nợ. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án anh H thừa nhận phần lớn tiền vay do anh H sử dụng, do đó khi phân chia nghĩa vụ trả nợ khoản 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) cần xem xét buộc chị H1 chịu ít hơn anh H. Mặt khác theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 58/2023/QĐST-HNGĐ ngày 24/8/2023 của TAND huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình giải quyết việc ly hôn giữa chị H1 và anh H; phần công nợ chung: "*Có nợ Ngân hàng NN&PTNT chi nhánh Tân Lạc, Hòa Bình 1,6 tỷ đồng, có thể chấp tài sản là nhà, đất của chị Nguyễn Thị H1 được tặng cho riêng tại khu C, thị trấn M, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình. Chị Nguyễn Thị H1 tự nguyện có trách nhiệm tự thanh toán toàn bộ nợ với ngân hàng khi đến hạn.*". Khoản nợ này cũng phát sinh trong thời kỳ hôn nhân.

Do đó khoản nợ 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) buộc chị H1 phải chịu 1/3 là có căn cứ. Phù hợp với đề nghị của VKS tại phiên tòa.

Số tiền phải trả cụ thể như sau:

Anh H phải trả 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng) của khoản phải tự chịu và 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) của khoản liên đới. Cộng là 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng) tiền gốc. Lãi là 63.000.000đ (Sáu mươi ba triệu đồng). Tổng gốc và lãi là 513.000.000đ (Năm trăm mười ba

triệu đồng). Anh H phải chịu án phí trên số tiền phải trả này là 24.520.000đ (Hai mươi tư triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng).

Chị H1 phải trả 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) tiền gốc, cộng 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng) tiền lãi. Tổng cộng là 114.000.000đ (Một trăm mười bốn triệu đồng). Chị H1 phải chịu án phí là 5.700.000đ (Năm triệu bảy trăm nghìn đồng).

Án phí phúc thẩm: Kháng cáo được chấp nhận nên chị H1 không phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

[1]. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn chị Nguyễn Thị H1.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 04/2024/DS –ST ngày 29/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình. Cụ thể:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thủy Ng.

Buộc anh Trần Xuân H phải trả cho chị Nguyễn Thủy Ng 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng) tiền gốc và 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng) tiền lãi. Cộng là 285.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi lăm triệu đồng).

Anh Trần Xuân H và chị Nguyễn Thị H1 phải liên đới trả cho chị Nguyễn Thủy Ng 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) tiền gốc và 42.000.000đ (Bốn mươi hai triệu đồng) tiền lãi. Cộng là 342.000.000đ (Ba trăm bốn mươi hai triệu đồng). Trong đó phần chị H1 phải trả là 114.000.000đ (Một trăm mười bốn triệu đồng). Phần anh H phải trả là 228.000.000đ (Hai trăm hai mươi tám triệu đồng).

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, theo quy định tại các Điều 6,7, 7A, 7B và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ mà người phải thi hành án không thi hành còn phải chịu lãi xuất theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[2] Về án phí:

2.1 Án phí sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thủy Ng được hoàn lại 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng) đã nộp tiền tạm ứng án phí tại biên lai số 0000580 ngày 16/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình.

Anh Trần Xuân H phải chịu 24.520.000đ (Hai mươi tư triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự.

Chị Nguyễn Thị H1 phải chịu 5.700.000đ (Năm triệu bảy trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự.

2.2 Án phí phúc thẩm:

Chị Nguyễn Thị H1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho chị Nguyễn Thị H1 số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo Biên lai số: 0000716 đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Lạc ngày 12 tháng 12 năm 2024.

Đối trừ chị Nguyễn Thị H1 còn phải nộp 5.400.000đ (Năm triệu bốn trăm nghìn đồng).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hoà Bình;
- TAND huyện Tân Lạc;
- Chi cục THADS huyện Tân Lạc;
- Các Đương Sự;
- Lưu;

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bạch Thị Hồng Hoa